

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 23-8-2022

“V/v tranh chấp về chia tài sản  
chung của hộ gia đình và chia thừa  
kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Thành Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 23 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 696/2021/TLST-DS ngày 29/11/2021 về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung của hộ gia đình và chia thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-DS ngày 29/7/2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Cụ Lê Thị O, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số ấp HQ1, xã LHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

**Người đại diện theo ủy quyền của cụ O:** Ông Lê Minh H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số ấp HQ1, xã LHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021); (Có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thu T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số ấp BH, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Phương B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số ấp HQ1, xã LHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

**Người đại diện theo ủy quyền của ông B:** Ông Lê Minh H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số ấp HQ1, xã LHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021); (Có mặt)

2. Ông Lê Minh H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số ấp HQ1, xã LHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

3. Chị Lê Quỳnh A, sinh ngày 22/9/2013; Địa chỉ: Số ấp BH, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

*Người đại diện theo pháp luật của chị Lê Quỳnh A:* Bà Phạm Thu T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số ấp BH, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Phương B là ông Lê Minh H trình bày:*

Cụ Lê Văn B với cụ Lê Thị O là vợ chồng và có 03 người con chung gồm ông Lê Phương B, ông Lê Văn N và ông Lê Minh H. Đến năm 2011, cụ B là chủ hộ gia đình chết do bị bệnh. Sau đó, các thành viên gia đình gồm cụ Lê Thị O, ông Lê Phương B, ông Lê Văn N và ông Lê Minh H thỏa thuận thống nhất để cho ông N đại diện đứng tên quyền sử dụng đất (QSDĐ) đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.361m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước (nhưng thực tế là làm vườn), đất tọa lạc tại ấp Hưng Quới 1, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp của ông bà để lại. Đến năm 2013, ông N cưới bà Phạm Thu T và bà T vẫn chưa nhập hộ khẩu vào hộ ông N. Đến ngày 22/4/2016, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Lấp Vò cấp chứng nhận QSDĐ, thì các thành viên trong gia đình mới có văn bản thỏa thuận để ông N đại diện đứng tên QSDĐ là hộ ông Lê Văn N.

Đến ngày 05/05/2018, ông N chết do bị tai nạn giao thông và không có để lại di chúc. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian trước khi ông N chết, thì vợ chồng ông N đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 02 năm. Đồng thời, bà T cũng không có đứng tên chung trong hộ khẩu với hộ ông N. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn N gồm cụ Lê Thị O (mẹ đẻ), bà Phạm Thu T (vợ) và chị Lê Quỳnh A (con đẻ). Sau đó, gia đình cụ O thống nhất làm hồ sơ thừa kế chuyển nhượng thửa đất để sang tên lại cho ông H, thì cán bộ một cửa xã Long Hưng A cho biết bà T là vợ của ông N phải ký tên mới chuyển nhượng được.

Thời điểm đó, gia đình cụ O có liên hệ với bà T để làm thủ tục thừa kế, sang tên cho ông H theo quy định, vì đây là đất của ông bà của cụ B để lại, thì bà T và gia đình bà T trả lời là bà T đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, bà T không có liên quan gì đến gia đình cụ O nữa và cũng không ký tên gì hết, không liên quan gì đến bà T nữa, đất ở dưới không liên quan và gia đình cụ O muốn làm gì thì làm, mặc dù đến nay gia đình cụ O có liên hệ bà T nhiều lần nhưng bà T đều từ chối.

Nay cụ Lê Thị O yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò chia tài sản chung của hộ gia đình và phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất như sau:

- Cụ Lê Thị O, ông Lê Phương B và ông Lê Minh H cùng thống nhất chia tài sản chung của hộ gia đình thành 04 phần bằng nhau gồm: Cụ Lê Thị O, ông Lê Phương B, ông Lê Văn N (đã chết) và ông Lê Minh H mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau theo diện tích đo đạc thực tế là 334,7m<sup>2</sup> theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Riêng phần diện tích đất mà cụ O và ông B được hưởng, thì cụ O và ông B thống nhất giao cho ông H và ông H không phải trả giá trị cho cụ O và ông B, do thửa đất này ông H là người đang quản lý, sử dụng từ trước đến nay để trồng cây (làm vườn) và nuôi cá.

- Cụ Lê Thị O yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn N (phần ông N được hưởng sau khi chia tài sản chung của hộ gia đình) thành 03 phần bằng nhau như sau: Cụ Lê Thị O (mẹ đẻ), bà Phạm Thu T (vợ) và chị Lê Quỳnh A (con đẻ) mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau theo diện tích đo đạc thực tế là 111,57m<sup>2</sup> theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Riêng cụ O yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý giao lại phần diện tích mà cụ O được hưởng cho ông H và ông H đồng ý trả giá trị cho bà T và chị Quỳnh A thay cho cụ O theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản. Cụ thể: 111,57m<sup>2</sup> x 78.000 đồng/m<sup>2</sup> = 8.702.460 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H tự nguyện trả giá trị cho bà T và chị Quỳnh A mỗi người là 10.000.000 đồng.

Cụ O, ông B và ông H đều thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò và Biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Lấp Vò.

Cụ O, ông B và ông H đều khẳng định trên phần diện tích đất tranh chấp đến nay không có phát sinh thêm cây trồng, vật kiến trúc hay bất kỳ tài sản nào khác so với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò. Đồng thời, bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, do hộ ông N đứng tên, số bìa CD 79340, số vào sổ CS06772, do UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 22/4/2016 hiện nay cụ O vẫn đang giữ và thửa đất đang do ông H trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Đối với bị đơn Phạm Thu T, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quỳnh A: Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp, phiên tòa; đồng thời, bà T cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật*

*tổ tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị O.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Phạm Thu T, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quỳnh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của hộ gia đình: Xét thấy, theo Công văn số 1962/CNHLVO ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò cung cấp thông tin kèm theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.361m<sup>2</sup>, được UBND huyện Lập Vò cấp chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Lê Văn N vào ngày 22/4/2016 thể hiện: Vào ngày 06/01/2016, cụ Lê Thị O, ông Lê Phương B, ông Lê Văn N và ông Lê Minh H có văn bản thỏa thuận thống nhất giao cho ông N đại diện hộ gia đình đứng tên QSDĐ đối với thửa đất nêu trên và có chứng thực của UBND xã Long Hưng A vào ngày 08/3/2016. Cho nên, có căn cứ để xác định thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.361m<sup>2</sup> là tài sản chung của hộ gia đình ông N (gồm cụ O, ông B, ông N và ông H). Do đó, yêu cầu của cụ O chia thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.338,8m<sup>2</sup> thành 04 phần bằng nhau, cụ O, ông B, ông N (đã chết) và ông H mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau theo diện tích đo đạc thực tế là 334,7m<sup>2</sup> theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò. Riêng phần diện tích đất mà cụ O và ông B mỗi người được hưởng là 334,7m<sup>2</sup>, thì cụ O và ông B thống nhất

giao cho ông H và ông H không phải trả giá trị cho cụ O và ông B. Xét thấy, việc định đoạt và chia tài sản chung của cụ O, ông B và ông H là phù hợp với quy định tại Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất: Xét thấy, ông Lê Văn N chết ngày 05/05/2018 không có để lại di chúc và hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm cụ Lê Thị O (mẹ đẻ), bà Phạm Thu T (vợ) và chị Lê Quỳnh A (con đẻ). Cho nên, di sản thừa kế của ông N được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Theo đó, cụ O yêu cầu chia di sản thừa kế của ông N là phần diện tích đo đạc thực tế là 334,7m<sup>2</sup> theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò mà ông N được chia tài sản chung từ hộ gia đình nêu trên thành 03 suất bằng nhau, mỗi người được hưởng diện tích 111,57m<sup>2</sup> (diện tích 334,7m<sup>2</sup>/3 suất) và cụ O yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý giao lại phần diện tích mà cụ O được hưởng cho ông H và ông H đồng ý trả giá trị hiện vật cho bà T và chị Quỳnh A thay cho cụ O theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản. Cụ thể: 111,57m<sup>2</sup> x 78.000 đồng/m<sup>2</sup> = 8.702.460 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H tự nguyện trả giá trị hiện vật cho bà T và chị Quỳnh A mỗi người là 10.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của cụ O là phù hợp với quy định tại Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, việc giao hiện vật (đất) cho ông H là đảm bảo phù hợp với Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa, diện tích đất tối thiểu được tách thửa và cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và ông H cũng là người đang quản lý, sử dụng đối với toàn bộ phần di sản này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của cụ O và ghi nhận sự tự nguyện của ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị O và phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Minh H nộp tạm ứng chi phí đo đạc là 3.143.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 400.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 300.000 đồng, tổng cộng là 3.843.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H tự nguyện chịu các chi phí tố tụng nêu trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông H là phù hợp với quy định tại các điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình, mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó nên mỗi bên

đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với nguyên đơn Lê Thị O là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại các điều 12, 13, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Lê Minh H trình bày do ông H là người được nhận toàn bộ thừa đất, cũng như ông H tự nguyện hoàn trả giá trị thay cho cụ O, nên ông H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông Lê Phương B, bà Phạm Thu T và chị Lê Quỳnh A theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Phương B là ông Lê Minh H có mặt tại phiên tòa, nên cụ O, ông B và ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Phạm Thu T, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quỳnh A vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 218, 219, 611, 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị O.

2. Xác định tài sản chung của hộ gia đình ông Lê Văn N (gồm cụ Lê Thị O, ông Lê Phương B, ông Lê Văn N và ông Lê Minh H) là thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.361m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế là 1.338,8m<sup>2</sup> theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Hưng Quới 1, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp,

được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Lê Văn N vào ngày 22/4/2016.

3. Xác định di sản thừa kế của ông Lê Văn N là một phần của thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích theo đo đạc thực tế là 334,7m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Hưng Quới 1, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Lê Văn N vào ngày 22/4/2016.

4. Giao cho ông Lê Minh H được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.338,8m<sup>2</sup> được thể hiện từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10 về M1 (theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Hưng Quới 1, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Minh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)

5. Buộc ông Lê Minh H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị hiện vật cho bà Phạm Thu T là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

6. Buộc ông Lê Minh H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị hiện vật cho chị Lê Quỳnh A (do bà Phạm Thu T là người đại diện theo pháp luật nhận thay) là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh H chịu các khoản chi phí tố tụng tổng cộng là 3.843.000 đồng (Ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Ông H đã nộp tạm ứng và chi xong.

8. Về án phí:

- Cụ Lê Thị O là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Minh H tự nguyện chịu 3.610.600 đồng (Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Cụ Lê Thị O, ông Lê Phương B và ông Lê Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bà Phạm Thu T và chị Lê Quỳnh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

10. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Phan Thành Nhân**